

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ VĂN GIANG**

Số: 1511/QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Văn Giang, ngày 06 tháng 05 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Xây dựng khu dân cư mới phục vụ tái định cư tại thôn Công Luận 2, xã Văn Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĂN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26/11/2024; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 11/12/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật quy hoạch đô thị và nông thôn; 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật quy hoạch đô thị và nông thôn; Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 17/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1216/QĐ-BXD ngày 05/8/2025 của Bộ Xây dựng về việc đính chính Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn, Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn và Quyết định số 18/2025/QĐ-TTg ngày 28/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục phê duyệt

điều chỉnh cục bộ Quy hoạch đô thị và nông thôn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập;

Căn cứ Quyết định số 30/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định ban hành kèm theo các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp và phân công nhiệm vụ trong quản lý dự án đầu tư xây dựng; quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; quản lý chất lượng công trình xây dựng; quy hoạch xây dựng, kiến trúc trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 1218/QĐ-BXD ngày 05/8/2025 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được thay thế trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 136/2025/QĐ-UBND ngày 13/10/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành quy định phân cấp, phân công nhiệm vụ trong hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 86/QĐ-TTg ngày 14/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Văn Giang, tỉnh Hưng Yên đến năm 2040;

Căn cứ Quyết định số 2899/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu E1, đô thị Văn Giang, tỉnh Hưng Yên (tỷ lệ 1/2000);

Căn cứ Công văn số 3530/UBND-KT1 ngày 05/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc chấp thuận vị trí quy hoạch khu tái định cư phục vụ công tác bồi thường hỗ trợ tái định cư tại xã Văn Giang;

Căn cứ Công văn số 1051/UBND-KT1 ngày 05/3/2026 về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư và ủy quyền cho UBND xã Văn Giang;

Căn cứ Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 22/4/2026 của UBND xã Văn Giang về việc phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Xây dựng khu dân cư mới phục vụ tái định cư tại thôn Công Luận 2, xã Văn Giang;

Căn cứ Công văn số 2047/SXD-QHKT&PTĐT ngày 05/5/2026 của Sở Xây dựng về việc tham gia ý kiến về Quy hoạch chi tiết Khu dân cư mới phục vụ tái định cư tại thôn Công Luận 2, xã Văn Giang;

Căn cứ Báo cáo tham định số 122/BCTĐ-KT ngày 06/5/2026 của Phòng Kinh tế xã tham định đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Xây dựng khu dân cư mới phục vụ tái định cư tại thôn Công Luận 2, xã Văn Giang;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 222/TT-KT ngày 06/5/2026 về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Xây dựng khu dân cư mới phục vụ tái định cư tại thôn Công Luận 2, xã Văn Giang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án Xây dựng khu dân cư mới phục vụ tái định cư tại thôn Công Luận 2, xã Văn Giang với các nội dung chính sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án Xây dựng khu dân cư mới phục vụ tái định cư tại thôn Công Luận 2, xã Văn Giang.

2. Chủ đầu tư lập quy hoạch: UBND xã Văn Giang.

3. Mục tiêu quy hoạch:

- Cụ thể hóa Quy hoạch phân khu E1, đô thị Văn Giang, tỉnh Hưng Yên đã được UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt tại Quyết định số 2899/QĐ-UBND ngày 31/12/2024.

- Đảm bảo quy hoạch chi tiết dự án tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành, sự khớp nối đồng bộ về cảnh quan, không gian kiến trúc cũng như mạng lưới hạ tầng kỹ thuật đồng bộ khớp nối với khu vực xung quanh. Tạo nên một khu dân cư mới có không gian, kiến trúc phù hợp với địa phương, làm điểm nhấn cho khu vực.

- Xây dựng khu tái định cư không tách rời khỏi định hướng quy hoạch xây dựng phát triển đô thị Văn Giang đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và quy hoạch phân khu E1, đô thị Văn Giang, tỉnh Hưng Yên. Đề xuất các yếu tố mới trên cơ sở phát triển kinh tế - xã hội toàn diện trong mối quan hệ mật thiết với các vùng xung quanh.

- Xây dựng khu tái định cư đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội theo định hướng của quy hoạch; tăng diện tích sàn nhà ở đô thị và khai thác hiệu quả quỹ đất phát triển đô thị Văn Giang; xây dựng hạ tầng kỹ thuật để tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm do UBND tỉnh làm chủ đầu tư và các dự án khác trên địa bàn xã.

- Cấm mốc chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng cho các tuyến kỹ thuật.

- Quy hoạch chi tiết được duyệt được phê duyệt là cơ sở để chính quyền các cấp, các cơ quan quản lý xây dựng tại địa phương quản lý xây dựng theo quy hoạch.

4. Vị trí và phạm vi ranh giới nghiên cứu lập quy hoạch:

- Vị trí: Khu đất lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án Xây dựng khu dân cư mới phục vụ tái định cư tại thôn Công Luận 2, xã Văn Giang thuộc địa giới hành chính xã Văn Giang, tỉnh Hưng Yên:

- Phạm vi và ranh giới lập quy hoạch:

+ Phía Bắc giáp đất canh tác nông nghiệp thuộc thôn Công Luận 2;

- + Phía Đông giáp đường ĐT.377 hiện trạng;
- + Phía Nam giáp đường bê tông hiện trạng;
- + Phía Tây giáp đường ven đê Tả sông Hồng (đường ĐT.378).

5. Quy mô đất đai và dân số:

- Quy mô đất đai: Diện tích lập quy hoạch chi tiết xây dựng khoảng 2,56ha.
- Quy mô dân số: Dự kiến trong khu vực lập quy hoạch là 472 người.
- Các chỉ tiêu sử dụng đất được nghiên cứu trên cơ sở đáp ứng tiêu chí về quy chuẩn, tiêu chuẩn quy hoạch xây dựng.

6. Quy hoạch sử dụng đất và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

- Cơ cấu sử dụng đất Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án Xây dựng khu dân cư mới phục vụ tái định cư tại thôn Công Luận 2, xã Văn Giang, như sau:

BẢNG TỔNG HỢP CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT							
TT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	MĐXD (%)	TC (Tầng)	Số lô	Dân số (người)
1	Đất nhà ở	9.709,02	37,95			118	472
1.1	Đất nhà ở liền kề	9.709,02	37,95	100	5	118	472
2	Đất công trình hạ tầng xã hội	902,78	3,53				
2.1	Đất cây xanh sử dụng công cộng	902,78	3,53	5	1		
3	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác	109,39	0,43				
4	Đất bãi đỗ xe	1.184,39	4,63				
5	Đường giao thông	13.677,99	53,46				
	Tổng diện tích quy hoạch	25.583,57	100,00				

- Quy mô cơ cấu và tỷ lệ đất quy hoạch xây dựng các khu chức năng đáp ứng theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn tính toán cho khu dân cư. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật được định hướng theo tiêu chuẩn đô thị loại III.

7. Tổ chức không gian kiến trúc, cảnh quan:

7.1. Tổ chức không gian kiến trúc, cảnh quan:

- Không gian đô thị được bố trí dọc theo các tuyến giao thông đối ngoại khu vực nhằm đạt được sự thuận tiện tối đa về giao thông. Không gian cây xanh và dịch vụ công cộng được bố trí tại lõi trung tâm khu dân cư; tăng hiệu quả tối đa của không gian sinh hoạt cộng đồng đồng thời tận dụng sự bố trí mềm mại, hài hòa của cảnh quan cây xanh nâng cao tính mỹ quan cho khu dân cư dự án nói riêng và khu vực xã Văn Giang nói chung.

- Mạng lưới đường giao thông trong khu vực quy hoạch: Tuân thủ các

thông số kỹ thuật của các tuyến đường giao thông đối ngoại, các tuyến đường nội bộ được quy hoạch đảm bảo đầu nối thuận tiện và đúng quy định với các tuyến đường đối ngoại.

- Định hướng chia đường giao thông theo mạng ô bàn cờ. Với đường trục chính có hướng Đông - Tây kết nối vuông góc với đường ĐT.377 hiện có. Các tuyến đường nội bộ được quy hoạch song song và vuông góc với tuyến trục chính tạo thành mạng lưới giao thông liên thông và hạn chế tối đa đường cụt.

- Công trình công cộng, dịch vụ: Trong lõi khu ở bố trí các công trình công cộng dịch vụ phục vụ nhóm nhà ở như: cây xanh, sân chơi, bãi đỗ xe nhằm tạo ra lõi không gian tập chung nhóm nhà ở và đảm bảo tiếp cận tốt nhất cho các khối nhà ở xung quanh.

- Các dãy nhà ở được phân chia bởi các tuyến đường giao thông và được quy hoạch chức năng ở theo vị trí sao cho phát huy tối đa được hiệu quả sử dụng đất và khai thác được các yếu tố khí hậu địa phương.

- Các khu chức năng được chi tiết hóa như trình bày tại Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan (QH-05).

7.2. Yêu cầu về bố trí công trình đối với từng lô đất:

- Các lô đất xây dựng nhà ở liền kề gồm các lô: LK-01, LK-02, LK-03, LK-04, LK-05, LK-06, LK-07, LK-08, LK-09, LK-10.

- Số tầng cao: 5 tầng;

- Cốt nền nhà cao hơn cốt vỉa hè 0,45m;

- Cốt trần tầng 1: 3,9m;

- Hình thức kiến trúc: Hình thức kiến trúc hiện đại, độ vươn ra của các chi tiết kiến trúc như mái đón, mái hè phố, bậc thềm, ban công và các chi tiết kiến trúc (gờ, chỉ, phào...) phải đảm bảo hài hòa, đảm bảo tính thống nhất và mối tương quan về độ vươn ra với các công trình lân cận cho từng khu chức năng và cho toàn khu vực; khuyến khích nghiên cứu xây dựng độ vươn ra của các chi tiết kiến trúc công trình bằng nhau.

7.3. Tổ chức cây xanh công cộng, sân vườn, cây xanh đường phố:

- Cây xanh là một phần quan trọng của kiến trúc đô thị, luôn được quy hoạch một cách khoa học và đồng bộ cùng với sự xây dựng, kiến tạo đô thị.

- Cây xanh trong khu vực lập quy hoạch gồm cây xanh tập trung dạng vườn hoa và cây xanh dọc các đường phố.

- Khu vực lập quy hoạch có chức năng là nhóm nhà ở, chỉ tiêu diện tích cây xanh đảm bảo diện tích tối thiểu 1m²/người.

- Căn cứ vào diện tích khu vực lập quy hoạch, hình thái khu đất, lựa chọn bố trí cây xanh trung tâm tại khu vực lõi khu đất quy hoạch, kết hợp với công

trình hạ tầng kỹ thuật khác như bãi đỗ xe tạo thành một không gian lõi thông thoáng, cải thiện vi khí hậu khu vực lập quy hoạch.

- Cây xanh trên đường phố được bố trí trên vỉa hè dọc các tuyến đường nội bộ cũng như các tuyến đường khu vực trong khu đất lập quy hoạch tạo thành tuyến phố xanh, sạch đẹp. Cây xanh đường phố được thiết kế hợp lý để có được tác dụng trang trí, phân cách, chống bụi, chống ồn, phối kết kiến trúc, tạo cảnh quan đường phố, cải tạo vi khí hậu, vệ sinh môi trường, chống nóng, không gây độc hại, nguy hiểm cho khách bộ hành, an toàn cho giao thông và không ảnh hưởng tới các công trình hạ tầng đô thị (đường dây, đường ống, kết cấu vỉa hè mặt đường).

7.4. Xác định khoảng lùi công trình trên từng đường phố, nút giao thông:

- Khoảng lùi của công trình tuân thủ khoảng lùi tối thiểu đã được quy định theo Tiêu chuẩn, Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, đảm bảo tính thống nhất trên tuyến phố.

- Trong khu vực quy hoạch đề xuất khoảng lùi tối thiểu cho tuyến phố như sau: Đối với các dãy nhà ở liền kề LK-01, LK-02, LK-03, LK-04, ..., LK-10, diện tích mỗi lô đất ở trung bình $S=80m^2$ đến $90m^2$, mật độ xây dựng tối đa 100%, khoảng lùi trên các tuyến phố là 0m. Đối với những lô đất có diện tích $>90m^2$, khoảng lùi công trình được xác định trên cơ sở mật độ xây dựng tối đa cho từng lô đất theo Bảng 2.8 QCVN01:2021/BXD, đồng thời đảm bảo nguyên tắc mặt tiền các dãy nhà được đồng bộ.

8. Quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật:

8.1. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

a. Xác định cốt xây dựng:

- San nền khu đất lập quy hoạch được thiết kế là san nền sơ bộ để tạo mặt bằng thi công xây dựng công trình. Khi lập dự án đầu tư xây dựng công trình, Chủ đầu tư cần có giải pháp san nền hoàn thiện cho phù hợp với tính chất đặc thù của loại hình công trình, mặt bằng kiến trúc sân vườn và thoát nước chi tiết của công trình.

- San nền khu đất được thiết kế theo nguyên tắc phân lô san nền, giới hạn bởi các đường giao thông theo phương pháp đường đồng mức thiết kế, đảm bảo thoát nước mặt tốt, chiều cao nền phù hợp.

- Các chỉ tiêu san nền được thể hiện chi tiết tại Bản đồ quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật (QH-08A).

b. Quy hoạch thoát nước mặt:

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế riêng hoàn toàn với nước thải. Nước mưa được thu vào hệ thống cống theo các trục đường chính, sau đó xả vào kênh hiện trạng xung quanh khu đất.

- Cống thoát nước được sử dụng BTCT chịu lực, các tuyến cống được thiết kế theo chế độ tự chảy với độ dốc cống được tính toán đảm bảo vận tốc nước chảy tuân thủ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

- Chiều dài, độ dốc và hướng thoát nước được thể hiện chi tiết tại Bản đồ quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật (QH-08A).

8.2. Quy hoạch giao thông:

a. Hệ thống đường giao thông đối ngoại:

Mạng lưới đường giao thông đối ngoại của dự án bao gồm các tuyến đường có quy mô mặt cắt như sau:

- Mặt cắt 1-1 (áp dụng cho tuyến D4: Đường tỉnh ĐT.377):

+Mặt đường: 2 x 11,25m

+Dải phân cách: 1,5m

+Hè hai bên: 2 x 4,0m

+Lộ giới đường: 32,0m

b. Hệ thống đường giao thông nội bộ:

Hệ thống đường giao thông đối nội gồm các tuyến đường có quy mô mặt cắt như sau:

- Mặt cắt 2-2 (áp dụng cho tuyến N3, N4,N5, D2, D3):

+Mặt đường: 2 x 3,75m

+Hè hai bên: 2 x 3,0m

+Lộ giới đường: 13,5m

- Mặt cắt 3-3 (áp dụng cho các tuyến N1):

Mặt đường: 2 x 3,75m

+Hè trái: 1,0-3,5m

+Hè phải: 4.0m

+Lộ giới đường: 12,5-15,0m

- Mặt cắt 4-4 (áp dụng cho tuyến N2):

+Mặt đường: 2 x 5,25m

+Hè trái: 2,0m

- +Hè phải: 4,0m
- +Lộ giới đường: 16,5m
- Mặt cắt 5-5 (áp dụng cho tuyến D1):
- +Mặt đường: 2 x 3,0m
- +Hè trái: 3,0m
- +Hè phải: 1,0-3,0m
- +Lộ giới đường: 10,0-12,0m

Mạng lưới quy hoạch giao thông và các mặt cắt các tuyến đường được thể hiện chi tiết tại Bản đồ quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật (QH-08A).

8.3. Quy hoạch hệ thống cấp nước:

- Tổng nhu cầu dùng nước của dự án khoảng $Q = 220 \text{ m}^3/\text{ngđ}$.
- Nguồn cấp nước cho dự án dự kiến được lấy từ đường ống cấp nước khu vực trên trục đường ĐT.377 phía Nam khu đất.
- Mạng lưới đường ống được thiết kế theo kiểu mạng vòng kết hợp với mạng nhánh và được tính toán thiết kế đảm bảo trong 2 trường hợp bất lợi nhất:
 - + Giờ dùng nước lớn nhất
 - + Giờ dùng nước lớn nhất và có cháy xảy ra.
- Toàn bộ hệ thống mạng lưới cấp nước được bố trí trên vỉa hè để thuận tiện cho việc quản lý sau này.
- Mạng lưới cấp nước được thể hiện chi tiết tại Bản đồ quy hoạch cấp nước (QH-08G).

8.4. Quy hoạch thoát nước thải và quản lý chất thải rắn:

a. Thoát nước thải

- Tổng lưu lượng thoát nước thải tính toán của dự án khoảng $Q=65\text{m}^3/\text{ngđ}$.
- Nước thải sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại công trình, thu gom bằng tuyến cống tròn và đấu nối với hệ thống thoát nước thải đưa về trạm xử lý nước thải đặt tại vị trí khu đất hạ tầng kỹ thuật. Nước thải được xử lý đạt tiêu chuẩn vệ sinh môi trường, được cơ quan quản lý môi trường cho phép sẽ thoát vào công trình thoát nước tại vị trí đã thống nhất thoả thuận với cơ quan quản lý.

- Chiều dài, độ dốc và hướng thoát nước được thể hiện chi tiết tại Bản đồ quy hoạch thoát nước thải (QH-08D).

b) Quản lý chất thải rắn:

- Chỉ tiêu rác thải sinh hoạt 0,9kg/người.ngđ, tỉ lệ thu gom đạt 100%.
- Chất thải được thu gom hằng ngày rồi tập kết tại điểm tập kết rác thải rồi sau đó rác được chuyển đến khu xử lý rác thải tập trung của khu vực.

8.5. Quy hoạch cung cấp năng lượng:

- Nguồn cấp điện cho dự án dự kiến lấy từ TBA Công Luận 2.3 phía Tây khu đất và được hạ ngầm đi qua khu đất.
- Tổng nhu cầu dùng điện tính toán khoảng 261,09kW. Dự kiến xây dựng 01 trạm biến áp có công suất trạm 320kVA.
- Từ trạm biến áp bố trí hệ thống cáp ngầm hạ thế tới các tủ điện hạ thế phân bố trên phạm vi dự án.
- Mạng lưới cấp điện được thể hiện chi tiết tại Bản đồ quy hoạch cấp điện (QH-08B).

8.6. Quy hoạch chiếu sáng:

- Nguồn cấp điện chiếu sáng được lấy từ trạm biến áp được quy hoạch xây dựng mới trong phạm vi dự án.
- Cột đèn chiếu sáng sử dụng loại cột thép, chiều cao đảm bảo theo quy định, đèn chiếu sáng sử dụng đèn Led, cáp chiếu sáng chôn ngầm dưới vỉa hè các tuyến đường.
- Mạng lưới cấp điện được thể hiện chi tiết tại Bản đồ quy hoạch chiếu sáng (QH-08C).

8.7. Quy hoạch hạ tầng viễn thông:

- Tổng dung lượng thuê bao tính toán khoảng 121 thuê bao.
- Nguồn thông tin thuê bao được lấy từ trạm viễn thông khu vực.
- Phương án quy hoạch thông tin liên lạc được thể hiện chi tiết tại Bản đồ quy hoạch thông tin liên lạc (QH-08F).

9. Các giải pháp bảo vệ môi trường:

- Để đảm bảo cho phát triển bền vững, cần quan tâm chú trọng các giải pháp bảo vệ môi trường trong suốt quá trình triển khai thực hiện dự án.
- Sử dụng hiệu quả, hợp lý tài nguyên đất, sử dụng các vật liệu thân thiện với môi trường, tăng cường trồng cây xanh.

- Thực hiện tốt hiệu quả công tác san nền, thoát nước, xây dựng các giải pháp phòng chống thiên tai; tăng cường công tác thăm dò địa chất, khảo sát địa hình, thực hiện công tác thi công, xây dựng an toàn, hiệu quả;

- Quản lý chặt chẽ hoạt động thu gom, xử lý nước thải, chất thải trên địa bàn. Nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

Điều 2. Chủ đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức công bố Đồ án quy hoạch; xác định chỉ giới xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch được duyệt; đảm bảo tiến độ và các quy định về quản lý đất đai theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng các phòng: Kinh tế, Văn hóa-Xã hội, Giám đốc Ban QLDA đầu tư xây dựng; Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Các phó CT UBND xã;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Văn Hân